

**CÔNG TY CỔ PHẦN CFS GARDEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CFS GARDEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CFS GARDEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CFS GARDEN JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109694726

**3. Ngày thành lập:** 06/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, tòa Vinaconex 9, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973784929

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                | 0118        |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                             | 0119        |
| 3.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                    | 0121        |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                             | 0128        |
| 5.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                              | 0129        |
| 6.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                 | 0131        |
| 7.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                  | 0132        |
| 8.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                       | 0150        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt<br>Chi tiết: Ươm, chăm sóc cây giống, cây cảnh, cây công trình các loại                                | 0161        |
| 10. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                       | 0164        |
| 11. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                               | 0210        |
| 12. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                        | 0232        |
| 13. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                              | 2821        |
| 14. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                               | 8130        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299        |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                              | 4620(Chính) |
| 17. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631        |
| 18. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653        |

|     |                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp . | 4669 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                         | 4711 |
| 22. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4721 |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                             | 4722 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4773 |
| 25. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu                                                                                                 | 4799 |
| 26. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                          | 2012 |
| 27. | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Đóng gói phân bón                                                                                              | 8292 |
| 28. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                      | 2021 |
| 29. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                | 1080 |
| 30. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                 | 0891 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN KHOA | P804-CT1-2 ĐT Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | 042077000033                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                            | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ ANH TUẤN   | số 54, ngõ 28 đường Trần Thái Tông, tổ 23, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 040060000812                                                                                |         |
|     |               |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                   |                   |         |               |        |              |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | TRẦN QUỐC ĐÔNG  | Tổ 3, cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  | 013617111    |  |
|   |                 |                                                                                                   | Tổng số           | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                   |                   |         |               |        |              |  |
| 4 | NGUYỄN DU       | Số 13, ngõ 97, phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 001072017979 |  |
|   |                 |                                                                                                   | Tổng số           | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                   |                   |         |               |        |              |  |
| 5 | NGUYỄN MẠNH HẢI | P502-E2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 013490143    |  |
|   |                 |                                                                                                   | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                   |                   |         |               |        |              |  |
| 6 | NGUYỄN DUY HƯNG | P904, A5, KĐT M Đại Kim, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 350.000 | 3.500.000.000 | 35,000 | 040074000005 |  |
|   |                 |                                                                                                   | Tổng số           | 350.000 | 3.500.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                   |                   |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUỐC ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/08/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013617111

Ngày cấp: 22/02/2013 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, cụm 4, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

